

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 03 THÁNG

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	32.808			
	Thu phí, lệ phí				
	Thu dịch vụ	32.808	5.742	17,50%	174,93%
	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	32.637			
	Thu phí, lệ phí				
	Thu dịch vụ	32.637	4.597	14,08%	191,39%
	Thu khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	171			
	Thu phí, lệ phí				
	Thu dịch vụ	171	62	35,97%	153,08%
	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	99.302	16.450		
I	Nguồn ngân sách trong nước	99.302	16.450	16,57%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	98.749	16.450	16,66%	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	79.686	15.988	20,06%	95,10%
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	19.063	462	2,43%	100,72%
5	Chi bảo đảm xã hội	553	0	0%	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	553	0	0%	0%
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 10 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Xuân